

Tại Hà Nội: Số 15 Ngõ 205, tổ dân phố số 2, phường Phúc La, thành phố Hà Nội

Địa điểm: Số 171 Bùi Thị Xuân, phường Nguyễn Du, TP. Hà Nội

Ks. Ngô Văn Đích

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH BẮC HẢI																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LAS.XD 1422																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
Địa chỉ: Đội 7, thôn Quảng Yên, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
Tại Hà Nội: Số 15 Ngõ 205, tổ dân phố số 2, phường Phúc La, thành phố Hà Nội																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ MẪU ĐẤT, ĐÁ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
Công trình: Nhà ở gia đình anh Mr. Long																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
Địa điểm: Số 171 Bùi Thị Xuân, phường Nguyễn Du, TP. Hà Nội																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
STT	Hố khoan	Số hiệu mẫu	Độ sâu (m)	Cuội-sạn-sỏi			Cát					Bụi		Sét	Độ ẩm tự nhiên	Dung trọng		Khối lượng riêng	Hệ số rỗng tự nhiên	Độ lỗ rỗng	Độ bão hòa	Độ ẩm		Chỉ số dẻo	Độ sệt	Khối lượng thể tích của cát (g/cm3)		Hệ số rỗng		Góc nghỉ của cát		Cắt phẳng		Hệ số nén lún	Cường độ sức chịu tải quy ước	Mô đun tổng biến dạng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
							Thô	To	Vừa	Nhỏ	Mịn	To	Nhỏ			Tự nhiên	Khô					Giới hạn chảy	Giới hạn dẻo			Khô	Ướt	Góc ma sát trong	Lực dính kết																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				>10.0 (mm)	10.0-5.0 (mm)	5.0-2.0 (mm)	2.0-1.0 (mm)	1.0-0,5 (mm)	0,5-0,25 (mm)	0,25-0,10 (mm)	0,10-0,05 (mm)	0,05-0,01 (mm)	0,01-0,005 (mm)	<0,005 (mm)		W	g _w					g _k	Δ			e ₀	n	G	W _{ch}	W _d	I _p	B	Khí chặt y _{max}				Khí rời y _{min}	a _k	a _w	a _k	a _w	j	C	a ₁₋₂	R ₀	E ₀																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
				Thành phần hạt												%	g/cm ³					g/cm ³	g/cm ³				%	%	%	%	%	%	%				%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%

STT	Hố khoan	Số hiệu mẫu	Độ sâu (m)	Cuội-sạn-sỏi			Cát					Bụi		Sét	Độ ẩm tự nhiên	Dung trọng			Hệ số rỗng tự nhiên	Độ lỗ rỗng	Độ bão hòa	Độ ẩm		Chỉ số dẻo	Độ sệt	Khối lượng thể tích của cát (g/cm3)		Hệ số rỗng		Góc nghi của cát		Cắt phẳng		Hệ số nén lún	Cường độ sức chịu tải quy ước	Mô đun tổng biến dạng									
							Thô	To	Vừa	Nhỏ	Mịn	To	Nhỏ			Tự nhiên	Khô	Khối lượng riêng				Giới hạn chảy	Giới hạn dẻo																						
				>10.0 (mm)	10.0- 5.0 (mm)	5.0- 2.0 (mm)	2.0- 1.0 (mm)	1.0 - 0,5 (mm)	0.5 - 0,25 (mm)	0,25 - 0,10 (mm)	0,10 - 0,05 (mm)	0,05 - 0,01 (mm)	0,01 - 0,005 (mm)	<0,00 5 (mm)		W	g _w	g _k				Δ	e ₀			n	G	W _{ch}	W _d	I _p	B	Khí chặt γ _{max}	Khí rời γ _{min}				Khí khô	Khí ướt	Khí khô	Khí ướt	Góc ma sát trong	Lực dính kết	a ₁₋₂	R ₀	E ₀
				Thành phần hạt												W	g _w	g _k				Δ	e ₀			n	G	W _{ch}	W _d	I _p	B	a _k	a _w				a _k	a _w	j	C	a ₁₋₂	R ₀	E ₀		
			m	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	g/cm ³	g/cm ³	g/cm ³		%	%	%	%	%					độ	độ	độ	kg/cm ²	cm ² /kg	kg/cm ²	kg/cm ²											
				Lớp 6: Cát hạt mịn, màu xám xanh lẫn ít sạn, trạng thái chặt vừa.																																									
19	HK1	D9	38.0-38.45					2.2	6.1	42.3	35.6	10.2	3.6					2.66									1.623	1.282	1.055	0.655	35°22'	27°06'													
20	HK1	D10	40.0-40.45					1.2	7.6	43.1	36.6	8.2	3.3					2.66									1.633	1.291	1.039	0.649	35°16'	27°11'													
Giá trị trung bình								1.7	6.9	42.7	36.1	9.2	3.5					2.66									1.628	1.287	1.047	0.652	35°19'	27°09'					1.73	152.00							
				Lớp 7: Cát hạt mịn, màu xám vàng, phía dưới lẫn ít sạn, trạng thái chặt.																																									
21	HK1	D11	42.0-42.45			6.2	1.2	3.6	7.9	40.2	35.2	3.6	2.1					2.67										1.684	1.305	1.035	0.623	35°05'	27°26'												
22	HK1	D12	45.0-45.45			7.9	1.9	2.6	6.2	39.4	32.5	4.5	5.0					2.67										1.694	1.311	1.032	0.618	35°09'	27°34'												
Giá trị trung bình						7.1	1.6	3.1	7.1	39.8	33.9	4.1	3.6					2.67										1.689	1.308	1.034	0.621	35°07'	27°30'					2.67	500.00						